

Chú giải kinh Tăng Chi Bộ II – Chương 5 – 13. Phẩm Bệnh

(13) 3. Gilānavaggo

3. Chương về người bệnh.

4. Dutiyaupaṭṭhākasuttavaṇṇanā

4. Giải thích kinh Người Hộ Trì Thứ Hai.

124. Tatiyassa catutthe nappaṭibaloti kāyabalena ca ñāṇabalena ca asamannāgato. Āmisantaroti āmisahetuko cīvarādīni paccāsīsamāno.

124. Ở bài kinh thứ ba và thứ tư, “nappaṭibalo” có nghĩa là không đủ sức mạnh về thân thể và trí tuệ. “Āmisantaro” ám chỉ người bị chi phối bởi những mong cầu vật chất như y phục và các thứ tương tự.

5-6. Anāyussāsuttadvayaṇṇanā

5-6. Giải thích hai bài kinh về sự không trường thọ.

125-126. Pañcame anāyussāti āyupacchedanā, na āyuvaḍḍhanā. Chaṭṭhepi eseva nayo.

125-126. Ở bài kinh thứ năm, “anāyussā” có nghĩa là sự cắt ngắn tuổi thọ, không phải là sự kéo dài tuổi thọ. Ở bài kinh thứ sáu cũng tương tự như vậy.

7. Vapakāsasuttavaṇṇanā

7. Giải thích kinh Rời Khỏi Tăng Đoàn.

127. Sattame nālaṃ saṅghamhā vapakāsītunti saṅghato nikkhamitvā ekako vasitum na yutto. Kāmañcesa saṅghamajjhepi vasitum ayuttova asaṅghasobhanatāya, ovādānusāsanippaṭibaddhattā pana nippariyāyeneva saṅghamhā vapakāsītum na yutto. Alaṃ saṅghamhā vapakāsītunti cātuddisattā saṅghamhā nikkhamma ekako vasitum yutto, saṅghasobhanatāya pana saṅghepi vasitum yuttoyeva.

127. Ở bài kinh thứ bảy, “nālaṃ saṅghamhā vapakāsītum” có nghĩa là không thích hợp để rời khỏi Tăng đoàn và sống một mình. Người ấy, dẫu ở giữa Tăng đoàn, vẫn không thích hợp vì không làm đẹp tăng chúng, nhưng do sự ràng buộc vào lời dạy và giáo huấn, không thể nào rời khỏi Tăng đoàn một cách hợp pháp. “Alaṃ saṅghamhā vapakāsītum” ám chỉ người đủ tư cách, có thể rời khỏi Tăng đoàn và sống một mình, hoặc cũng có thể ở lại để làm đẹp tăng chúng.

Aṭṭhamam uttānatthameva.

Bài kinh thứ tám mang ý nghĩa rõ ràng và dễ hiểu.

9. Parikuppasuttavaṇṇanā

9. Giải thích kinh Người Phẫn Nộ.

129. Navame āpāyikāti apāyagāmino. Nerayikāti nirayagāmino. Parikuppāti parikuppanasabhāvā purāṇavaṇṇasadisā. Atekkicchāti akattabbaparikkammā. Dasamaṃ uttānatthamevāti.

129. Ở bài kinh thứ chín, “āpāyikā” có nghĩa là người đi vào các cõi khổ. “Nerayikā” là người đi vào địa ngục. “Parikuppā” ám chỉ những người có bản chất phẫn nộ, tương tự như vết thương cũ. “Atekkicchā” có nghĩa là những người không thể chữa trị, không thể làm gì để cứu vãn. Bài kinh thứ mười mang ý nghĩa rõ ràng và dễ hiểu.

Gilānavaggo tatiyo.

Chương về người bệnh là chương thứ ba.